

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-33
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-33



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tiến Triển	Ủy viên	
Ông Nguyễn Cao Sơn	Ủy viên	
Ông Võ Khánh Toàn	Ủy viên	
Bà Quek Guet Ngoh	Ủy viên	
Ông Qiu Ruixiang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 01/10/2016
Ông Ip Chau Sing	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01/10/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Nghĩa	Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Triển	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Cao Sơn	Phó Giám đốc
Ông Võ Khánh Toàn	Trưởng phòng Tài chính kế toán

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hải	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Quang	Thành viên
Ông Huỳnh Tín Đình	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2017

Số: 406/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Pin Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội được lập ngày 12 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Bùi Thanh Cương

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2066-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		83.907.846.609	84.800.106.506
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.010.390.217	10.947.932.472
111	1. Tiền		4.010.390.217	10.947.932.472
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.643.376.163	23.224.741.871
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	26.355.493.963	19.329.845.848
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		239.030.021	3.603.814.237
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.356.962.936	1.267.452.588
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(308.110.757)	(976.370.802)
140	IV. Hàng tồn kho	8	51.127.215.587	49.638.844.784
141	1. Hàng tồn kho		51.339.163.619	49.803.925.908
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(211.948.032)	(165.081.124)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.126.864.642	988.587.379
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	12.000.000	29.999.999
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		802.919.530	25
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	311.945.112	958.587.355
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		49.008.994.394	37.492.579.662
220	II. Tài sản cố định		20.876.447.522	13.492.363.547
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	20.846.447.521	13.492.363.547
222	- Nguyên giá		59.315.405.092	48.812.787.635
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.468.957.571)	(35.320.424.088)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	30.000.001	-
228	- Nguyên giá		40.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.999.999)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		83.865.449	21.195.722
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	83.865.449	21.195.722
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.000.014.246	22.693.593.459
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	22.693.579.213
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		27.000.000.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.246	14.246
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.048.667.177	1.285.426.934
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.048.667.177	1.285.426.934
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		132.916.841.003	122.292.686.168

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

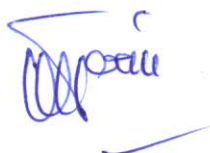
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		41.679.324.687	27.895.345.149
310	I. Nợ ngắn hạn		41.679.324.687	27.895.345.149
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	7.024.189.337	6.494.947.126
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		172.519.043	161.195.911
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	967.919.590	770.358.958
314	4. Phải trả người lao động		4.845.747.045	3.634.530.954
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	5.002.361.126	3.376.305.392
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	3.240.596.996	288.862.258
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	19.937.026.800	12.804.084.800
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		488.964.750	365.059.750
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		91.237.516.316	94.397.341.019
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	91.237.516.316	94.397.341.019
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		51.814.430.000	51.814.430.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		51.814.430.000	51.814.430.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.740.733.718	21.740.733.718
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.838.843.012	2.338.843.012
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.843.509.586	18.503.334.289
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.549.726.789	5.736.355.962
421b	LNST chưa phân phối năm nay		10.293.782.797	12.766.978.327
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		132.916.841.003	122.292.686.168



Nguyễn Hải Long
Người lập



Võ Khánh Toàn
Trưởng phòng Tài chính kế toán



Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Năm 2016*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	305.675.345.497	282.271.871.952
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.436.586.261	8.939.643.774
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		298.238.759.236	273.332.228.178
11	4. Giá vốn hàng bán	22	244.624.022.044	225.630.909.225
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		53.614.737.192	47.701.318.953
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.841.406.098	1.203.642.558
22	7. Chi phí tài chính	24	2.617.359.674	1.688.529.532
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		367.192.475	233.714.806
25	8. Chi phí bán hàng	25	16.182.054.811	15.855.744.977
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.273.629.326	15.206.165.790
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		22.383.099.479	16.154.521.212
31	11. Thu nhập khác		165.257.319	178.297.653
32	12. Chi phí khác		19.781.447	500.067
40	13. Lợi nhuận khác		145.475.872	177.797.586
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.528.575.351	16.332.318.798
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	4.462.628.054	3.565.340.471
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.065.947.297	12.766.978.327
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	3.487	2.464



Nguyễn Hải Long

Người lập



Võ Khánh Toàn

Trưởng phòng Tài chính kế toán




Phạm Văn Nghĩa

Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		306.202.974.316	296.942.304.166
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(248.254.773.627)	(227.656.140.548)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(33.839.893.715)	(29.317.496.005)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(367.192.475)	(233.714.806)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.417.798.694)	(3.986.264.884)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		28.236.798	151.056.242
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(676.095.000)	(19.349.213.143)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		18.675.457.603	16.550.531.022
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.175.634.900)	(2.364.706.558)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		109.090.909	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(27.000.000.000)	-
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.693.579.213	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		768.952.593	32.564.392
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(14.604.012.185)	(2.332.142.166)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		78.480.410.325	50.293.523.823
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(71.677.923.015)	(56.851.704.898)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(17.818.115.000)	(6.218.100.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.015.627.690)	(12.776.281.075)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(6.944.182.272)	1.442.107.781
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.947.932.472	9.413.866.763
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.640.017	91.957.928
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	4.010.390.217	10.947.932.472

Nguyễn Hải Long
Người lậpVõ Khánh Toàn
Trưởng phòng Tài chính kế toánPhạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Hà Nội là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Pin Hà Nội theo Quyết định số 207/2003/QĐ - BCN ngày 03/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 01 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 51.814.430.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 51.814.430.000 đồng; tương đương 5.181.443 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất pin và ắc quy;
- Bán buôn pin các loại, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất pin;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chỉ gồm có: cho thuê nhà xưởng, nhà làm việc, kho bãi;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp nguyên vật liệu, sản phẩm pin các loại và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ
Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính
Kinh doanh pin các loại

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	390.069.179	151.407.470
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.620.321.038	10.796.525.002
	<u><u>4.010.390.217</u></u>	<u><u>10.947.932.472</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty TNHH Một thành viên Pin Hà Nội (1)	-	-	22.693.579.213	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh				
- Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) (2)	27.000.000.000	-	22.693.579.213	-
	27.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
	14.246	-	14.246	-
	27.000.014.246	-	22.693.593.459	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Theo Quyết định số 17/HĐQT-PHN ngày 30 tháng 03 năm 2016 của Hội đồng Quản trị, Công ty Cổ phần Pin Hà Nội giải thể Công ty TNHH Một thành viên Pin Hà Nội kể từ ngày 31/03/2016 với mục đích thay đổi pháp nhân thực hiện dự án đầu tư Nhà máy sản xuất pin.

(2) Theo Hợp đồng liên doanh giữa Công ty Cổ phần Pin Hà Nội và GP Batteries International Ltd, Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) được thành lập với vốn điều lệ là 4.000.000 USD, trong đó Công ty Cổ phần Pin Hà Nội đóng góp 1.200.000 USD tương đương 30% vốn điều lệ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty TNHH Pin GP (Việt Nam) là sản xuất, kinh doanh pin và máy móc thiết bị sản xuất pin.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd.	2.417.949.520	800.751.000
- GPI International Limited	13.649.816.450	11.136.257.242
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.287.727.993	7.392.837.606
	26.355.493.963	19.329.845.848
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	16.354.865.970	12.009.021.587
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.		

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	165.206.540	-	93.025.741	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	28.811.276	-	22.848.834	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	16.391.506	-	11.475.799	-
Tạm ứng	716.214.463	-	250.639.055	-
Ký cược, ký quỹ	317.000.082	-	17.000.082	-
Phải thu tiền cho Công ty con vay	-	-	634.200.000	-
Phải thu khác	113.339.069	-	238.263.077	-
	1.356.962.936	-	1.267.452.588	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Thương mại Quốc tế & Dịch vụ Siêu Thị BigC Thăng Long	45.608.502	-	45.608.502	-
- Cửa hàng 58 Trần Phú Hải Phòng	40.057.552	-	40.057.552	-
- Các khoản khác	230.893.499	8.448.796	932.040.544	41.335.796
	316.559.553	8.448.796	1.017.706.598	41.335.796

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.704.759.072	-	39.753.414.060	-
Công cụ, dụng cụ	206.263.674	-	48.790.304	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.361.990.517	-	2.361.678.452	-
Thành phẩm	7.991.340.221	-	5.865.090.286	-
Hàng hoá	1.041.133.082	(211.948.032)	1.746.914.350	(165.081.124)
Hàng gửi đi bán	33.677.053	-	28.038.456	-
	<u>51.339.163.619</u>	<u>(211.948.032)</u>	<u>49.803.925.908</u>	<u>(165.081.124)</u>

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	40.700.000	-
- Bể khuấy hóa chất	40.700.000	-
Mua sắm tài sản cố định	43.165.449	21.195.722
- Máy ép vi tự động	21.195.722	21.195.722
- Các tài sản khác	21.969.727	-
	<u>83.865.449</u>	<u>21.195.722</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	12.157.081.167	31.655.417.791	4.627.656.927	372.631.750	48.812.787.635
- Mua trong năm	-	8.907.783.600	1.531.121.027	-	10.438.904.627
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	1.261.762.678	-	-	1.261.762.678
- Phân loại lại	-	(15.273.420)	(13.847.150)	29.120.570	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(226.700.380)	-	(226.700.380)
- Giảm TSCĐ không còn khả năng sử dụng	-	(901.547.400)	-	(69.802.068)	(971.349.468)
Số dư cuối năm	12.157.081.167	40.908.143.249	5.918.230.424	331.950.252	59.315.405.092
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	11.793.038.660	20.017.720.487	3.227.972.630	281.692.311	35.320.424.088
- Khấu hao trong năm	145.616.997	3.731.546.994	437.144.668	32.274.672	4.346.583.331
- Phân loại lại	-	174.967.753	(179.673.359)	4.705.606	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(226.700.380)	-	(226.700.380)
- Giảm TSCĐ không còn khả năng sử dụng	-	(901.547.400)	-	(69.802.068)	(971.349.468)
Số dư cuối năm	11.938.655.657	23.022.687.834	3.258.743.559	248.870.521	38.468.957.571
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	364.042.507	11.637.697.304	1.399.684.297	90.939.439	13.492.363.547
Tại ngày cuối năm	218.425.510	17.885.455.415	2.659.486.865	83.079.731	20.846.447.521

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.247.647.962 đồng.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm kế toán mới mua trong năm 2016 với nguyên giá là 40.000.000 đồng, khấu hao phát sinh trong năm 2016 là 9.999.999 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘISố 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tiền thuê nhà	12.000.000	29.999.999
	12.000.000	29.999.999
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	493.970.566	557.382.050
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	492.611.515	708.607.382
Chi phí trả trước dài hạn khác	62.085.096	19.437.502
	1.048.667.177	1.285.426.934

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
GPI International Limited	1.254.614.400	1.254.614.400	1.263.319.200	1.263.319.200
Công ty TNHH Hoá công Quế Lưu Quảng Tây	1.577.304.000	1.577.304.000	1.765.407.600	1.765.407.600
Công ty TNHH Ngọc Việt	845.718.555	845.718.555	233.611.290	233.611.290
Phải trả các đối tượng khác	3.346.552.382	3.346.552.382	3.232.609.036	3.232.609.036
	7.024.189.337	7.024.189.337	6.494.947.126	6.494.947.126
b) Phải trả các bên liên quan (Chi tiết tại TM số 33.)	1.254.614.400	1.254.614.400	1.263.319.200	1.263.319.200

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	201.644.150	9.832.037	7.064.448.165	6.872.636.052	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	756.943.205	-	648.491.495	203.493.402	311.945.112	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	732.463.885	4.462.628.054	4.417.798.694	-	777.293.245
Thuế Thu nhập cá nhân	-	10.487.062	670.111.149	504.604.301	-	175.993.910
Thuế Tài nguyên	-	1.785.840	23.157.520	24.850.000	-	93.360
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	3.138.274.662	3.138.274.662	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15.790.134	80.255.460	81.506.519	-	14.539.075
	958.587.355	770.358.958	16.090.366.505	15.246.163.630	311.945.112	967.919.590

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại	1.512.218.220	1.164.836.183
Trích trước chi phí bồi hoàn cho lô hàng lỗi hỏng	3.194.466.111	1.586.477.871
Chi phí phải trả khác	295.676.795	624.991.338
	<u>5.002.361.126</u>	<u>3.376.305.392</u>

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	160.924.887	141.950.851
Bảo hiểm xã hội	-	4.318.065
Bảo hiểm thất nghiệp	-	213.740
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	142.327.707	125.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.907.657.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.687.402	17.379.602
	<u>3.240.596.996</u>	<u>288.862.258</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.005.961.860	3.005.961.860	1.751.673.800	4.757.635.660	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam ⁽¹⁾	9.798.122.940	9.798.122.940	74.035.785.445	63.896.881.585	19.937.026.800	19.937.026.800
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam-CN Hà Nam	-	-	3.027.255.770	3.027.255.770	-	-
	<u>12.804.084.800</u>	<u>12.804.084.800</u>	<u>78.814.715.015</u>	<u>71.681.773.015</u>	<u>19.937.026.800</u>	<u>19.937.026.800</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 1702-LAV-201600087 ngày 25/07/2016, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh được quy định cụ thể trong kế ước nhận nợ;
- + Thời hạn của hợp đồng: Không quá 12 tháng và được quy định cụ thể tại Hợp đồng tín dụng kiêm kế ước nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng cho từng lần giải ngân theo quy định tại Hợp đồng tín dụng kiêm kế ước nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 874.431,00 USD tương đương 19.937.026.800 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Chi tiết về tài sản bảo đảm, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên thực hiện theo Hợp đồng bảo đảm. Ngoài ra, Công ty cam kết dùng tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo cho vay nợ tại Eximbank, trong trường hợp tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán vốn, lãi và các chi phí khác trong Eximbank.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	34.545.000.000	27.172.167.816	3.660.278.914	22.938.182.319	88.315.629.049
Tăng vốn trong năm trước	17.269.430.000	(5.431.434.098)	(1.821.435.902)	(10.016.560.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	12.766.978.327	12.766.978.327
Phân phối lợi nhuận	-	-	500.000.000	(7.218.100.000)	(6.718.100.000)
Tăng khác	-	-	-	32.833.643	32.833.643
Số dư cuối năm trước	51.814.430.000	21.740.733.718	2.338.843.012	18.503.334.289	94.397.341.019
Số dư đầu năm nay	51.814.430.000	21.740.733.718	2.338.843.012	18.503.334.289	94.397.341.019
Lãi trong năm nay	-	-	-	18.065.947.297	18.065.947.297
Phân phối lợi nhuận	-	-	500.000.000	(13.953.607.500)	(13.453.607.500)
Tam ứng cổ tức năm 2016 (*)	-	-	-	(7.772.164.500)	(7.772.164.500)
Số dư cuối năm nay	51.814.430.000	21.740.733.718	2.838.843.012	14.843.509.586	91.237.516.316

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ-ĐHCD ngày 04/05/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	17.704.259.964
Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,82%	500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,82%	500.000.000
Chi trả cổ tức năm 2015 (bằng 25% vốn điều lệ)	73,17%	12.953.607.500
Lợi nhuận chưa phân phối	21,19%	3.750.652.464

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 03/2016/NQ-HĐQT/PHN ngày 21/09/2016, Công ty thống nhất tạm chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 với mức chia 15% vốn điều lệ tương đương số tiền là 7.772.164.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
GP Batteris Internationnal Limited	30,00%	15.545.240.000	30,00%	15.545.240.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	21,00%	10.881.670.000	21,00%	10.881.670.000
Phạm Văn Nghĩa	5,02%	2.602.500.000	5,02%	2.602.500.000
Cổ đông khác	43,98%	22.785.020.000	43,98%	22.785.020.000
	100%	51.814.430.000	100%	51.814.430.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	51.814.430.000	51.814.430.000
- Vốn góp đầu năm	51.814.430.000	34.545.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	17.269.430.000
- Vốn góp cuối năm	51.814.430.000	51.814.430.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.725.772.000	16.234.660.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	12.953.607.500	16.234.660.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	7.772.164.500	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.181.443	5.181.443
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.181.443	5.181.443
- Cổ phiếu phổ thông	5.181.443	5.181.443
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.181.443	5.181.443
- Cổ phiếu phổ thông	5.181.443	5.181.443
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.838.843.012	2.338.843.012
	2.838.843.012	2.338.843.012

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	10.026,04	124.391,51

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
	866.495.568	-

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	294.742.037.259	270.375.598.213
Doanh thu bán hàng hóa	3.208.879.831	3.464.288.247
Doanh thu bán vật tư, phế liệu	3.063.533.130	3.497.684.095
Doanh thu khác	4.660.895.277	4.934.301.397
	305.675.345.497	282.271.871.952
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	86.721.144.850	70.311.948.781

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	5.164.598.692	4.446.405.810
Hàng bán bị trả lại	400.918.903	1.110.645.380
Giảm giá hàng bán	1.871.068.666	3.382.592.584
	7.436.586.261	8.939.643.774

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	239.424.558.031	219.662.980.347
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.785.745.839	1.857.498.255
Giá vốn của vật tư, phế liệu đã bán	2.530.708.666	3.164.371.030
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	836.142.600	982.532.200
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	46.866.908	(36.472.607)
	244.624.022.044	225.630.909.225

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	127.031.806	32.564.392
Cổ tức, lợi nhuận được chia	641.920.787	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.072.453.505	1.037.492.586
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	133.585.580
	1.841.406.098	1.203.642.558

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	367.192.475	233.714.806
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.374.024.484	830.272.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	569.444.542	624.542.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	306.698.173	-
	2.617.359.674	1.688.529.532

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.337.728.752	1.257.384.034
Chi phí nhân công	5.901.375.423	5.605.234.604
Chi phí khấu hao tài sản cố định	370.424.449	380.310.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.274.965.266	2.300.594.791
Chi phí khác bằng tiền	6.297.560.921	6.312.221.007
	16.182.054.811	15.855.744.977

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	391.108.521	540.330.042
Chi phí nhân công	7.367.897.617	6.041.695.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	233.384.490	187.177.654
Thuế, phí, lệ phí	3.152.817.662	3.323.756.000
Chi phí dự phòng	198.235.523	416.784.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	798.439.884	761.927.220
Chi phí khác bằng tiền	2.131.745.629	3.934.495.125
	14.273.629.326	15.206.165.790

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.528.575.351	16.332.318.798
Các khoản điều chỉnh tăng	426.485.706	138.813.766
- Chi phí không hợp lệ	119.787.533	138.813.766
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	306.698.173	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(641.920.787)	(265.039.514)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(641.920.787)	-
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(265.039.514)
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.313.140.270	16.206.093.050
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.462.628.054	3.565.340.471
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	(32.833.644)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	732.463.885	1.186.221.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(4.417.798.694)	(3.986.264.884)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	777.293.245	732.463.885

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	18.065.947.297	12.766.978.327
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.065.947.297	12.766.978.327
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.181.443	5.181.443
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.487	2.464

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	207.891.271.923	194.049.285.604
Chi phí nhân công	46.514.562.974	40.272.876.019
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.356.583.330	3.970.945.309
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.236.060.750	3.184.751.011
Chi phí khác bằng tiền	13.375.176.457	14.338.453.408
	275.373.655.434	255.816.311.351

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.010.390.217	-	10.947.932.472	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.712.456.899	(308.110.757)	20.597.298.436	(976.370.802)
Đầu tư dài hạn	14.246	-	14.246	-
	31.722.861.362	(308.110.757)	31.545.245.154	(976.370.802)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	19.937.026.800	12.804.084.800
Phải trả người bán, phải trả khác	10.264.786.333	6.783.809.384
Chi phí phải trả	5.002.361.126	3.376.305.392
	35.204.174.259	22.964.199.576

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.010.390.217	-	-	4.010.390.217
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.404.346.142	-	-	27.404.346.142
Đầu tư dài hạn	-	14.246	-	14.246
	<u>31.414.736.359</u>	<u>14.246</u>	<u>-</u>	<u>31.414.750.605</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.947.932.472	-	-	10.947.932.472
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.620.927.634	-	-	19.620.927.634
Đầu tư dài hạn	-	14.246	-	14.246
	<u>30.568.860.106</u>	<u>14.246</u>	<u>-</u>	<u>30.568.874.352</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	19.937.026.800	-	-	19.937.026.800
Phải trả người bán, phải trả khác	10.264.786.333	-	-	10.264.786.333
Chi phí phải trả	5.002.361.126	-	-	5.002.361.126
	<u>35.204.174.259</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>35.204.174.259</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	12.804.084.800	-	-	12.804.084.800
Phải trả người bán, phải trả khác	6.783.809.384	-	-	6.783.809.384
Chi phí phải trả	3.376.305.392	-	-	3.376.305.392
	<u>22.964.199.576</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>22.964.199.576</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là hoạt động sản xuất pin các loại, chiếm hơn 90% toàn bộ hoạt động của Công ty. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	<u>Quốc tế</u>	<u>Nội địa</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.715.089.221	191.523.670.015	298.238.759.236
Tài sản bộ phận	17.674.017.951	115.242.823.052	132.916.841.003
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	11.803.337.032	11.803.337.032

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
		VND	VND
Bán hàng		86.721.144.850	70.311.948.781
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd.	(1)	6.392.235.851	4.301.593.030
GPI International Limited	(1)	80.328.908.999	66.010.355.751
Mua hàng		1.371.988.090	1.623.698.496
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd.	(1)	-	384.132.096
GPI International Limited	(1)	1.371.988.090	1.239.566.400

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN HÀ NỘI

Số 72, Đường Phan Trọng Tuệ, Thị trấn Văn Điển,
Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		16.354.865.970	12.009.021.587
GP Batteris Internationnal Limited	Thành viên góp vốn	-	72.013.345
GPI International Limited	(1)	13.649.816.450	11.136.257.242
GP Battery Marketing (Singapore) Pte.Ltd.	(1)	2.417.949.520	800.751.000
Công ty TNHH Pin GP Việt Nam	Công ty liên kết	287.100.000	-
Phải thu khác		700.000	-
Công ty TNHH Pin GP Việt Nam	Công ty liên kết	700.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		1.254.614.400	1.263.319.200
GPI International Limited	(1)	1.254.614.400	1.263.319.200

(1) Là các công ty nằm trong hệ thống Tập đoàn GP Batteries toàn cầu.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

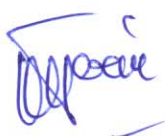
	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.891.304.018	1.840.639.791

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Hải Long
Người lập



Võ Khánh Toàn
Trưởng phòng Tài chính kế toán





GIÁM ĐỐC
Phạm Văn Nghĩa
Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2017

